SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN TÂM THẦN MỸ ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 176/CV-BVTT
V/v mời báo giá May trang phục y tế và đồ vải phục vụ người bệnh tại Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức năm 2026

Phúc Sơn, ngày 29 tháng 06 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý các đơn vị

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-BVTT ngày 23/06/2026 của Giám đốc Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức về việc phê duyệt danh mục gói thầu: "May trang phục y tế và đồ vải phục vụ người bệnh năm 2026 tại Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức";

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng mua sắm trang phục cho nhân viên y tế và đồ vải cho người bệnh tại Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức năm 2026 ngày 22/06/2026 về việc thống nhất danh mục gói thầu: "May trang phục y tế và đồ vải phục vụ người bệnh năm 2026 tại Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức".

Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức đang triển khai thực hiện gói thầu *"May trang phục y tế và đồ vải phục vụ người bệnh năm 2026 tại Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức"* thuộc dự toán mua sắm thường xuyên của đơn vị. Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức trân trọng kính mời Quý các đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm cung cấp báo giá cho dự toán thực hiện gói thầu trên, cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị mời báo giá

1. Mục đích báo giá: Làm căn cứ để xây dựng dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

2. Đơn vị mời báo giá: Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức.
Địa chỉ: Thôn Phù Yên - Xã Phúc Sơn - TP Hà Nội.
Số điện thoại: 02433 771 203.

3. Hình thức báo giá:

- Bản cứng (Có đóng dấu): Nhận trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại địa chỉ: Phòng Điều dưỡng - Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức - Thôn Phù Yên - Xã Phúc Sơn - TP Hà Nội. Đồng thời gửi bản scan báo giá đóng dấu theo mẫu đính kèm đến địa chỉ Email phongdieuduong.ttmd@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 09h30p ngày 29/06/2026 đến trước 09h30p ngày 06/07/2026 hoặc đến khi nhận đủ báo giá theo quy định (03 báo giá). Thư mời báo giá được đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử (Website) của bệnh viện.

- Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 30 ngày kể từ ngày 29/06/2026.

6. Thông tin liên hệ của bộ phận chịu trách nhiệm báo giá: CNĐD. Nguyễn Sao Mai (SĐT: 097 571 8648) – Phòng Điều dưỡng – Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức.

II. Nội dung mời báo giá

1. Danh mục mời báo giá: Theo phụ lục đính kèm

2. Yêu cầu về báo giá

- Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển, nhân công thực hiện, … bên bệnh viện không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

- Về khối lượng, chất lượng: Theo đúng yêu cầu mà Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức đưa ra.

- Kèm theo: Giấy phép đăng ký kinh doanh (Danh mục mã ngành và tên ngành nghề kinh doanh) hoặc hồ sơ năng lực (nhân sự chủ chốt, năng lực, kinh nghiệm, hợp đồng tương tự đã thực hiện).

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HĐMS(MAI).

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN TÂM THẦN MỸ ĐỨC

Cao Xuân Trường

Phụ lục Mẫu báo giá

(Kèm theo Công văn số: 176/CV-BVTT ngày 29/06/2026 của Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của bệnh viện, chúng tôi ..... báo giá May trang phục y tế và đồ vải phục vụ người bệnh năm 2026 tại Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức như sau:

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số người	Tổng số	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí dự phòng (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I	**Trang phục y tế**								
1	**Trang phục bác sỹ**	**1. Trang phục quần áo:** - Chất liệu: vải Oxford; - Màu sắc: màu trắng; - Tiêu chuẩn vải: Bông (35 ±1)%. Polyester (65±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 282± 2; Ngang: 244 ± 2. Khối lượng tính bằng g/m^2: 149± 2; Độ bền màu giặt: 4-5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô: Dọc: -1,5± 0,05, ngang: -2,0± 0,05; Độ bền xé rách: Dọc: 44± 2, ngang: 46± 2; Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp): 3; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; **2. Quy cách may:** - Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT. Có thêu/dập logo của bệnh viện, may theo số đo.	Bộ	26	52				
2	**Trang phục Dược sĩ**	**1. Trang phục quần áo:** - Chất liệu: vải Oxford; - Màu sắc: màu trắng; - Tiêu chuẩn vải: Bông (35 ±1)%. Polyester (65±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số	Bộ	12	24				

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số người	Tổng số	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí dự phòng (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		sợi/10cm: Dọc: 282± 2; Ngang: 244 ± 2. Khối lượng tính bằng g/m^2: 149± 2; Độ bền màu giặt: 4-5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô: Dọc: -1,5± 0,05, ngang: -2,0± 0,05; Độ bền xé rách: Dọc: 44± 2, ngang: 46± 2; Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp): 3; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; **2. Quy cách may:** - Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT. Có thêu/dập logo của bệnh viện, may theo số đo.							
3	**Trang phục YTCC/ CVTL**	**1. Trang phục quần áo:** - Chất liệu: vải Oxford; - Màu sắc: màu trắng; - Tiêu chuẩn vải: Bông (35 ±1)%. Polyester (65±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 282± 2; Ngang: 244 ± 2. Khối lượng tính bằng g/m^2: 149± 2; Độ bền màu giặt: 4-5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô: Dọc: -1,5± 0,05, ngang: -2,0± 0,05; Độ bền xé rách: Dọc: 44± 2, ngang: 46± 2; Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp): 3; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h	Bộ	02	04				

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số người	Tổng số	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí dự phòng (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		- 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; **2. Quy cách may**: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT. Có thêu/dập logo của bệnh viện, may theo số đo.							
4	**Trang phục Điều dưỡng**	**1. Trang phục quần áo:** - Chất liệu: vải Oxford; - Màu sắc: màu trắng; - Tiêu chuẩn vải: Bông (35 ±1)%. Polyester (65±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 282± 2; Ngang: 244 ± 2. Khối lượng tính bằng g/m^2: 149± 2; Độ bền màu giặt: 4-5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô: Dọc: -1,5± 0,05, ngang: -2,0± 0,05; Độ bền xé rách: Dọc: 44± 2, ngang: 46± 2; Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp): 3; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; **2. Quy cách may**: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT. Có thêu/dập logo của bệnh viện, may theo số đo.	Bộ	91	182				
5	**Trang phục Kỹ thuật Y**	**1. Trang phục quần áo:** - Chất liệu: vải Oxford; - Màu sắc: màu trắng; - Tiêu chuẩn vải: Bông (35 ±1)%. Polyester (65±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 282± 2; Ngang: 244 ± 2. Khối lượng tính bằng g/m^2: 149±	Bộ	18	36				

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số người	Tổng số	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí dự phòng (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		2; Độ bền màu giặt: 4-5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô: Dọc: -1,5± 0,05, ngang: -2,0± 0,05; Độ bền xé rách: Dọc: 44± 2, ngang: 46± 2; Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp): 3; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; **2. Quy cách may**: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT. Có thêu/dập logo của bệnh viện, may theo số đo.							
6	**Trang phục dinh dưỡng - Nhân viên phục vụ**	- Chất liệu: vải Oxford; - Màu sắc: màu trắng; - Tiêu chuẩn vải: Bông (35 ±1)%. Polyester (65±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 282±2; Ngang: 244±2. Khối lượng tính bằng g/m^2: 149±2; Độ bền màu giặt: 4-5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô: Dọc: -1,5± 0,05, ngang: -2,0± 0,05; Độ bền xé rách: Dọc: 44±2, ngang: 46±2; Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp): 3; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; **2. Quy cách may**: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của	Bộ	04	08				

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số người	Tổng số	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí dự phòng (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		BYT. Có thêu/dập logo của bệnh viện, may theo số đo.							
7	**Trang phục Hộ lý**	- Chất liệu: vải Oxford; - Màu sắc: màu xanh hòa bình; - Tiêu chuẩn vải: Bông (35 ±1)%. Polyester (65±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 285±2; Ngang: 248±2 Khối lượng tính bằng g/m^2: 157±2; Độ bền màu giặt: 4-5; Sự thay đổi kích thước sau sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,05; ngang: -1,5±0,05; Độ bền xé rách (N): Dọc: 54±2; ngang: 54±2; Độ lệch màu so với Pantone 14-4214 TCX (cấp): 4; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; **2. Quy cách may**: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT. Có thêu/dập logo của bệnh viện, may theo số đo.	Bộ	23	46				
8	**Trang phục hành chính**	**1. Trang phục áo** - Chất liệu: Bamboo; - Màu sắc: màu trắng; - Tiêu chuẩn vải: Rayon (50±1)%. Polyester (46±1)%. Spandex (4±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 696±2; Ngang: 392±2; Khối lượng tính bằng g/m^2: 164±2; Độ bền màu giặt: 4-5; Sự thay đổi kích thước sau sau giặt (%):	Bộ	23	46				

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số người	Tổng số	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí dự phòng (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Dọc -1,5±0,05; ngang: -0,5±0,05; Độ bền xé rách (N): Dọc 41±2; ngang: 33±2; Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp): 3-4; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h **2.Trang phục quần** - Chất liệu: Kaki chun; - Màu sắc: vải màu; - Tiêu chuẩn vải: Bông (31±1)%. Polyester (67±1)%. Rayon (2±1)%. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 556±2; Ngang: 407±2 Khối lượng tính bằng g/m^2: 270±2; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5; Sự thay đổi kích thước sau sau giặt và làm khô (%): Dọc: -2,0±0,05; ngang: -1,0±0,05; Độ bền xé rách (N): Dọc: 66±2; ngang: 30±2; Độ lệch màu so với Pantone 19-3924 TCX (cấp): 3-4; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h **3. Quy cách may** - 01 bộ bao gồm: Quần + áo; - Quy cách may: Áo sơ mi. Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. May theo số đo							
9	**Trang phục bảo vệ**	**1. Trang phục quần áo:** - Màu sắc: Áo vải thô màu xanh Hòa bình; quần vải kaki màu tím than;	Bộ	03	06				

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số người	Tổng số	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí dự phòng (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		- Tiêu chuẩn vải áo: Bông (13±1)%. Polyester (87±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 285±2; Ngang: 239±2; Khối lượng tính bằng g/m^2: 172±2; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,05, ngang: -0,5±0,05; Độ bền xé rách (N): Dọc: 28±2; Ngang: 25±2; Độ lệch màu so với Pantone C92M59Y0K0/3506 CP (cấp): 3-4; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h - Tiêu chuẩn vải quần: Polyester (65±1)%. Bông (35±1)% ; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 432±2; Ngang: 211±2. Khối lượng tính bằng g/m^2: 209±2; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5; Độ bền xé rách (N): Dọc 60±2; Ngang: 35±2; Độ lệch màu so với Pantone 19-3920 TCX (cấp): 4; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h - 01 bộ bao gồm: Quần + áo; **2. Quy cách may**: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT. Có thêu/dập logo của bệnh viện; may theo số đo.						
10	**Trang phục**	**1. Trang phục quần áo:** - Chất liệu: kaki;	Bộ	07	14				

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số người	Tổng số	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí dự phòng (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	nhân viên kỹ thuật, điện nước	- Màu sắc: Màu xanh đen; - Tiêu chuẩn vải quần: Polyester (65±1)%. Bông (35±1)% ; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 432±2; Ngang: 211±2. Khối lượng tính bằng g/m^2: 209±2; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5; Độ bền xé rách (N): Dọc 60±2; Ngang: 35±2; Độ lệch màu so với Pantone 19-3920 TCX (cấp): 4; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h - 01 bộ bao gồm: Quần + áo; **2. Quy cách may**: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT. Có thêu/dập logo của bệnh viện, may theo số đo							
Tổng cộng(I)			**209**		**418**				
II	**Đồ vải phục vụ người bệnh**								
1	Quần NB nam	- Chất liệu: Kate silk; - Màu sắc: kẻ sọc; - Tiêu chuẩn vải: Bông (34±1)%. Polyester (66±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 412±2; Ngang: 272±2. Khối lượng tính bằng g/m^2: 100±2; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,05, ngang: -0,5±0,05; Độ bền xé rách (N): Dọc 15±2; Ngang: 10±2; Độ lệch màu sọc xanh so với Pantone 19-3938 TCX (cấp): 4; Độ lệch màu nền trắng so với Pantone 11-4001 TCX	Cái		700				

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số người	Tổng số	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí dự phòng (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		(cấp): 3-4; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h - Quy cách: Quần kiểu pyjama, cạp chun, có 1 túi sau. Có thêu/dập logo của bệnh viện.							
2	Quần NB nữ	- Chất liệu: Kate silk; - Màu sắc: kẻ sọc; - Tiêu chuẩn vải: Bông (34±1)%. Polyester (66±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 412±2; Ngang: 272±2. Khối lượng tính bằng g/m^2: 100±2; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,05, ngang: -0,5±0,05; Độ bền xé rách (N): Dọc 15±2; Ngang: 10±2; Độ lệch màu sọc xanh so với Pantone 19-3938 TCX (cấp): 4; Độ lệch màu nền trắng so với Pantone 11-4001 TCX (cấp): 3-4; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h - Quy cách: Quần kiểu pyjama, cạp chun. Có thêu/dập logo của bệnh viện	Cái		300				
3	Áo NB nam cộc tay	- Chất liệu: Kate silk; - Màu sắc: kẻ sọc; - Tiêu chuẩn vải: Bông (34±1)%. Polyester (66±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 412±2; Ngang: 272±2. Khối lượng tính bằng g/m^2:	Cái		300				

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số người	Tổng số	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí dự phòng (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		100±2; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,05, ngang: -0,5±0,05; Độ bền xé rách (N): Dọc 15±2; Ngang: 10±2; Độ lệch màu sọc xanh so với Pantone 19-3938 TCX (cấp): 4; Độ lệch màu nền trắng so với Pantone 11-4001 TCX (cấp): 3-4; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h - Quy cách: Áo kiểu chui đầu, dài tay, chiều dài áo ngang: mông, phía trước có 3 túi. Có thêu/dập logo của bệnh viện							
4	Chăn bông người bệnh	- Chất liệu: Bông hạt không thấm nước có vỏ bọc ngoài bằng vải thô trắng, trần hình quả trám - Màu sắc: Màu trắng; - Kích thước: 1,5 x 2 mét - Quy cách: có may dây buộc 4 góc.	Cái		200				
5	Áo bông NB	- Chất liệu: kaki - Màu sắc: xanh - Tiêu chuẩn vải: Bông (34±1)%. Polyester (66±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 456±2; Ngang: 222±2. Khối lượng tính bằng g/m^2: 211±2; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,05, ngang: -0,5±0,05; Độ bền xé rách (N): Dọc 36±2; Ngang: 21±2; Độ lệch màu	Cái		100				

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số người	Tổng số	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí dự phòng (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		so với Pantone 17-5527 TCX (cấp): 3; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h - Quy cách : Áo khoác cổ chữ K, có chần bông cài cúc giữa, phía trước có 2 túi. Có thêu/dập logo của bệnh viện							
6	Chăn chiên /Chăn hè	- Chất liệu: vải thô kẻ - KT: 1,5 x 2m - Tiêu chuẩn vải: Bông (12±1)%. Polyester (88±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 288±2; Ngang: 238±2. Khối lượng tính bằng g/m^2: 161±2; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -0,5±0,05, ngang: -0,5±0,05; Độ bền xé rách (N): Dọc 33±2; Ngang: 28±2; Độ lệch màu so với Pantone 17-3934 TCX (cấp): 4; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: chăn trần. Có thêu/dập logo của bệnh viện	Cái		100				
7	Áo người nhà người bệnh	- Màu sắc: vàng nhạt - KT: 1,5 x 2m - Tiêu chuẩn vải: Bông 100%. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 466±2; Ngang: 222±2. Khối lượng tính bằng g/m^2: 273±2. Độ bền màu giặt: 4-5. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%):	Cái		50				

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số người	Tổng số	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí dự phòng (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Dọc: -3,5±0,05, ngang: -1,0±0,05; - Quy cách may: Áo 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo dưới gối 5 - 10cm, phía trước có 3 túi, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. Có thêu/dập logo của bệnh viện							
8	Toan vải gói dụng cụ hấp sấy	- Chất liệu: Kaki xanh lá cây - KT: 50 x 50cm - Tiêu chuẩn vải: Bông (13±1)%. Polyester (87±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 456±2; Ngang: 214±2. Khối lượng tính bằng g/m^2: 206±2; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -0,5±0,05, ngang: -0,5±0,05; Độ bền xé rách (N): Dọc 50±2; Ngang: 37±2; Độ lệch màu so với Pantone 17-5527 TCX (cấp): 3-4; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: May xung quanh mép, đường may 0.7cm 2 lớp	Cái		100				
9	Dây cố định người bệnh	- Chất liệu: Thô mềm màu trắng, - Tiêu chuẩn vải: Bông (13±1)%. Polyester (87±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 275±2; Ngang: 247±2. Khối lượng tính bằng g/m^2: 177±2. Độ bền màu giặt: 4-5. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%):	Bộ		20				

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số người	Tổng số	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí dự phòng (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Dọc: 0±0,05, ngang: -0,5±0,05; - Quy cách may: Gồm dây cố định 2 tay và cố định 2 chân. Các dây tách riêng biệt: + Có lót 1 lượt bông mút mỏng bên trong + Có miếng dán độ dài, rộng 7-10cm. + Khóa bấm cố định giữa hai đầu.							
10	Khăn lau tay dùng trong y tế	- Chất liệu: Sợi bông mềm, màu trắng, thấm hút nước tốt - Tiêu chuẩn vải: Bông 100%. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 292±2; Ngang: 213±2. Khối lượng tính bằng g/m^2: 561±2; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -3,0±0,05, ngang: -0,5±0,05; Độ bền xé rách (N): Dọc 68±2; Ngang: 39±2; Độ lệch màu so với Pantone 18-3945 TCX (cấp): 4; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h - KT: 30 x 30 cm - Quy cách may: May xung quanh mép, đường may 0,5cm	Cái		1.000				
11	Túi trùm bảo vệ trang thiết bị y tế	**11.1. Loại túi trùm có KT: (DxRxC): 220x170x80 cm** - Chất liệu: vải Oxford; - Màu sắc: màu trắng; - Tiêu chuẩn vải: Bông (35 ±1)%. Polyester (65±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số	Cái		05				

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số người	Tổng số	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí dự phòng (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		sợi/10cm: Dọc: 282± 2; Ngang: 244 ± 2. Khối lượng tính bằng g/m^2: 149± 2; Độ bền màu giặt: 4-5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô: Dọc: -1,5± 0,05, ngang: -2,0± 0,05; Độ bền xé rách: Dọc: 44± 2, ngang: 46± 2; Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp): 3; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Dạng túi hộp, có kích thước tương ứng với các loại máy. Có dây rút buộc kín miệng.							
		11.2. Loại túi trùm có KT: (DxRxC): 270x220x80 cm - Chất liệu: vải Oxford; - Màu sắc: màu trắng; - Tiêu chuẩn vải: Bông (35 ±1)%. Polyester (65±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 282± 2; Ngang: 244 ± 2. Khối lượng tính bằng g/m^2: 149± 2; Độ bền màu giặt: 4-5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô: Dọc: -1,5± 0,05, ngang: -2,0± 0,05; Độ bền xé rách: Dọc: 44± 2, ngang: 46± 2; Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp): 3; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Dạng túi hộp, có kích thước tương	Cái		02				

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số người	Tổng số	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí dự phòng (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		ứng với các loại máy. Có dây rút buộc kín miệng.							
		11.3. Loại túi trùm có KT: (DxRxC): 160x120x60 cm - Chất liệu: vải Oxford; - Màu sắc: màu trắng; - Tiêu chuẩn vải: Bông (35 ±1)%. Polyester (65±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 282± 2; Ngang: 244 ± 2. Khối lượng tính bằng g/m^2: 149± 2; Độ bền màu giặt: 4-5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô: Dọc: -1,5± 0,05, ngang: -2,0± 0,05; Độ bền xé rách: Dọc: 44± 2, ngang: 46± 2; Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp): 3; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Dạng túi hộp, có kích thước tương ứng với các loại máy. Có dây rút buộc kín miệng.	Cái		06				
		11.4. Loại túi trùm có KT: (DxRxC): 80x80x80 cm - Chất liệu: vải Oxford; - Màu sắc: màu trắng; - Tiêu chuẩn vải: Bông (35 ±1)%. Polyester (65±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 282± 2; Ngang: 244 ± 2. Khối lượng tính bằng g/m^2: 149± 2; Độ bền màu giặt: 4-5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô: Dọc: -1,5± 0,05, ngang: -2,0±	Cái		05				

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số người	Tổng số	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí dự phòng (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		0,05; Độ bền xé rách: Dọc: 44± 2, ngang: 46± 2; Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp): 3; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Dạng túi hộp, có kích thước tương ứng với các loại máy. Có dây rút buộc kín miệng.							
		11.5. Loại túi trùm có KT: (DxRxC): 60x60x50 cm - Chất liệu: vải Oxford; - Màu sắc: màu trắng; - Tiêu chuẩn vải: Bông (35 ±1)%. Polyester (65±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 282± 2; Ngang: 244 ± 2. Khối lượng tính bằng g/m^2: 149± 2; Độ bền màu giặt: 4-5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô: Dọc: -1,5± 0,05, ngang: -2,0± 0,05; Độ bền xé rách: Dọc: 44± 2, ngang: 46± 2; Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp): 3; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Dạng túi hộp, có kích thước tương ứng với các loại máy. Có dây rút buộc kín miệng.	Cái		10				
Tổng cộng(II)					**3.150**				

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về năng lực, kinh nghiệm nhà thầu)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ….tháng…năm 2026.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các mặt hàng nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

……, ngày tháng năm 2026

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp